



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở - ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Công Tiệp

2. Ngày tháng năm sinh: 04/9/1977; Nam ☒; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P503 nhà A1D1, KĐT Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Điện thoại nhà riêng; Điện thoại di động: 0912.024.876; E-mail: nctiep@vnua.edu.vn

7. Quá trình công tác

Từ 11/2001 đến tháng 5/2008: Chuyên viên Ban Thanh niên nông thôn Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Bí thư Đoàn khối cơ quan Trung ương Đoàn;

Từ 05/2008 đến 12/2014: Giảng viên Khoa Kế toán và QTKD, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Phó Trưởng Phòng Hành chính – Tổng hợp, Phó Giám đốc Trung tâm nghiên cứu á nhiệt đới, Phó Chánh Văn phòng Học viện;

Từ 1/2015-4/2016: Giảng viên chính Khoa Kế toán và QTKD, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu á nhiệt đới, Phó Chánh Văn phòng Học viện;

Từ 5/2016 – 1/2024: Giảng viên chính Khoa Kế toán và QTKD, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu á nhiệt đới, Chánh Văn phòng Học viện; Trưởng Khoa Công nghệ thông tin;

Từ 2/2024 đến nay: Giảng viên chính Khoa Kế toán và QTKD, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Phó Giám đốc Học viện.

Chức vụ hiện nay: Ủy viên Thường vụ Đảng bộ Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Phó Giám đốc Học viện; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Giám đốc Học viện.

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Địa chỉ cơ quan: Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: chưa

9. Trình độ đào tạo

Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 10 năm 1999; số văn bằng: B143095; ngành: Kinh tế nông nghiệp; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Nông nghiệp I

Được cấp bằng ThS ngày 02 tháng 12 năm 2003; số văn bằng: A001210; ngành: Kinh tế; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Nông nghiệp I

Được cấp bằng TS ngày 20 tháng 08 năm 2013; số văn bằng: 002356; ngành: Kinh tế nông nghiệp; Nơi cấp bằng TS: Trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội.

Được cấp bằng ĐH ngày 28 tháng 03 năm 2022; số văn bằng: QC167668; ngành: Tiếng Anh; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở:

Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu về Kinh tế nông nghiệp

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất chủ yếu của nền kinh tế cung cấp những sản phẩm thiết yếu như lương thực, thực phẩm giúp con người tồn tại và nông nghiệp cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp; là thị trường tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ của công nghiệp và các ngành kinh tế khác. Đồng thời, nông nghiệp còn có vai trò giữ gìn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nông nghiệp cần được chú trọng phát triển để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người về chất lượng sản phẩm, giá trị dinh dưỡng, an toàn đối với sức khỏe người tiêu dùng. Phát triển sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị là xu thế tất yếu của thị trường nông sản hàng hóa. Phát triển kinh tế trang trại, hộ nông dân nhằm khai thác có hiệu quả các nguồn lực của hộ, trang trại hướng tới sản xuất hàng hóa, ứng dụng KHCN mới, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp. Vì vậy, dựa trên tính cấp thiết của định hướng này, tôi tập trung nghiên cứu, đo lường hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu vào của nông dân và doanh nghiệp; thúc đẩy sinh kế nông hộ và tác động của chính sách đến sinh kế nông hộ, trang trại cũng như phát triển nông nghiệp, nông thôn ở các địa phương trong cả nước. Đồng thời, tôi hướng đến nghiên cứu việc tiêu thụ nông sản qua các kênh phân phối, hiệu quả tiêu dùng của khách hàng.

Danh mục các kết quả nghiên cứu khoa học và đào tạo theo hướng nghiên cứu 1, bao gồm các Bài báo: [1], [2], [3], [4], [11], [12], [17], [21], [35].

Hướng nghiên cứu 2: Kinh tế về các vấn đề về nhân lực, năng lượng và môi trường

Biến đổi khí hậu ngày càng ảnh hưởng lớn tới các nền kinh tế trên thế giới mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Các thảm họa thiên nhiên đã và đang gây ra những tác động tiêu cực tới nền kinh tế toàn cầu, và làm cho nền kinh tế toàn cầu trở nên vô cùng bất ổn. Do đó, việc các quốc gia cần cam kết nghiêm ngặt hơn vào các trách nhiệm liên quan tới an ninh năng lượng và môi trường bền vững, trách nhiệm về dự báo và dự phòng rủi ro trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Trên cơ sở tính cấp thiết đối với định hướng nghiên cứu này, tôi tập trung hướng nghiên cứu vào một số nội dung chủ yếu như sau: Thứ nhất, tôi hướng tới nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế đến tiêu dùng năng lượng bền vững, ảnh hưởng tới vấn đề an ninh năng lượng ở mức độ quốc gia và toàn cầu; các yếu tố quyết định của hộ nông dân trồng lúa với các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Thứ hai, tôi hướng đến nghiên cứu rủi ro liên quan tới các loại dịch bệnh trên cây trồng nhằm nâng cao nhận thức của người nông dân trong sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong canh tác. Thứ ba, tôi tập trung phân tích các điều kiện và các yếu tố góp phần thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp, đổi mới công nghệ và phát triển môi trường bền vững tại Việt Nam. Thứ tư, tôi hướng đến nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 ở Việt Nam, từ đó giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ hội nhập ngày càng tốt hơn vào thị trường trong nước và quốc tế.

Danh mục các kết quả nghiên cứu khoa học và đào tạo theo hướng nghiên cứu 2, bao gồm các Bài báo: [5], [7], [8], [9], [13], [14], [15], [16], [18], [19], [20], [22], [23], [24], [25], [27], [28], [29], [30], [31], [32], [33], [34], [36], [37], [38], [39].

Hướng nghiên cứu 3: Nghiên cứu về các hình thức kinh tế hợp tác và HTX

Thực tiễn ở Việt Nam trong những năm qua cho thấy hầu hết hộ nông dân tham gia thành viên hợp tác xã; các hợp tác xã đều thực hiện đúng bản chất, giá trị và nguyên tắc có tính phổ biến trong hoạt động và quản trị, đó là tự nguyện, tự lực, tự chịu trách nhiệm, dân chủ, bình đẳng và đoàn kết, mỗi thành viên là một phiếu bầu, quan tâm đến cộng đồng; vai trò của hợp tác xã là chủ thể quan trọng đóng góp cho mục tiêu phát triển bền vững, xóa đói, giảm nghèo, bình đẳng giới, tạo việc làm, phát triển kinh tế bao trùm, chuyển đổi kinh tế và lao động phi chính thức sang chính thức, thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, xây dựng xã hội học tập. Chính phủ thường xuyên hoàn thiện khung pháp luật và áp dụng chính sách hỗ trợ để hợp tác xã phát triển, cùng với củng cố Liên minh hợp tác xã Việt Nam để thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ, chăm lo hợp tác xã thành viên. Kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã với nhiều hình thức hợp tác đa dạng (hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp hợp tác xã...) dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết và hợp tác rộng rãi những người lao động, hộ sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Phát triển kinh tế tập thể, HTX là tất yếu khách quan. Với ý tính cấp thiết đó, tôi tập trung nghiên cứu phát triển các hình thức hợp tác và HTX trong lĩnh vực nông nghiệp; phát triển kết cấu hạ tầng nhằm nâng cao năng lực quốc gia về logistics của Việt Nam; phân tích tác động của cam kết tổ chức đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân nhằm khuyến cáo các HTX, doanh nghiệp không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay.

Danh mục các kết quả nghiên cứu khoa học và đào tạo theo hướng nghiên cứu 3 gồm các Bài báo: [6], [10], [26].

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 3 NCS bảo vệ thành công và trên 30 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS đạt kết quả khá, giỏi các ngành Kinh tế nông nghiệp, quản lý kinh tế, QTKD;
- Đã **chủ nhiệm** là 04 đề tài, cụ thể như sau:
 - + 01 đề tài NCKH cấp tỉnh (Thái Bình) với vai trò là **chủ nhiệm** (nghiệm thu năm 2017).
 - + 01 đề tài NCKH cấp trường với vai trò là **chủ nhiệm** (nghiệm thu năm 2016).
 - + 01 đề tài NCKH cấp trường với vai trò là **chủ nhiệm** (nghiệm thu năm 2019).
 - + 01 đề tài cấp Bộ (UBDT), với vai trò là **chủ nhiệm** đã nghiệm thu 2024;
- Đã công bố **39** bài báo khoa học và kỷ yếu khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế có phản biện, trong đó **16** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín và thuộc danh mục ISI/Scopus (**có 04 bài báo Uy tín tác giả là tác giả chính**);
- Số lượng sách đã xuất bản gồm **03 giáo trình** (đồng chủ biên và tham gia) tại Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp Việt Nam và **03 sách tham khảo**;

15. Khen thưởng

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2018;

Bằng khen của Bộ trưởng: Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2014, Bộ trưởng Bộ NN&PTNT; 2016

Chiến sĩ thi đua cấp Bộ: năm 2022

16. Kỷ luật: không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong suốt 16 năm công tác tại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội nay là Học viện Nông nghiệp Việt Nam với nhiều nhiệm vụ được phân công khác nhau như giảng viên, giảng viên chính, Giảng viên chính Khoa Kế toán và QTKD, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu á nhiệt đới, Phó Chánh Văn phòng Học viện, Chánh Văn phòng Học viện; Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Học viện, Phó Giám đốc Học viện, ứng viên xin tự đánh giá bản thân dựa vào các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo như sau:

- **Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống:** luôn có phẩm chất đạo đức tốt, có mối quan hệ tốt với đồng nghiệp, có tư tưởng chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với đường lối cách mạng của Đảng, chấp hành tuyệt đối chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước. Ứng viên luôn có tinh thần đoàn kết, giữ mối quan hệ tốt với đồng nghiệp, sẵn sàng chia sẻ cùng đồng nghiệp và sinh viên trong giảng dạy và nghiên cứu.

- **Về công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học:** ứng viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được giao, luôn tâm huyết với nghề, giữ đúng tác phong và đạo đức của một nhà giáo. Ứng viên luôn có ý thức tự rèn luyện bản thân, học tập nâng cao trình độ, tham gia thực hiện và hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu khoa học các cấp.

- **Về công tác khác:** Ngoài ra ứng viên còn tham gia công tác chuẩn bị đề án mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo ngành QTKD, ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

Với những nỗ lực và kết quả đạt được trong suốt 16 năm công tác, ứng viên xét thấy mình đáp ứng đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của giảng viên theo quy định. Do vậy, ứng viên kính mong Hội đồng xem xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư năm 2024.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **16 năm**
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020		1	8	3	60	30	90/534.8/67,5
2	2020-2021			5	4	90	150	240/670.5/67,5
3	2021-2022			6	6	120	60	180/652.9/67,5
03 năm học cuối								
4	2022-2023			2	6	90		90/361.4/67,5
5	2023-2024		1	5	6	30	60	90/518/60,75
6	2024-2025		1	1	10	60		60/420/60

Ghi chú: (định mức chuẩn 270 tiết/năm, được miễn giảm giờ giai đoạn 2018-2023 là 75%, giai đoạn 2024 đến nay miễn giảm 80%)

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

- a) Được đào tạo ở nước ngoài: Không
- b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: Văn bằng 2 của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội.
- c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: Không
- d) Đối tượng khác;

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân ngôn ngữ Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1.	Nguyễn Văn Tuấn	x		x		QĐ giao đề tài, phân công hướng dẫn số 3184/QĐ-HVN ngày 11/10/2016	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 2066/QĐ-HVN ngày 7/5/2024

2.	Phùng Huy Vinh	x			x	QĐ giao đề tài, phân công hướng dẫn số 3385/QĐ-HVN ngày 18/8/2017	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 1555/QĐ-HVN ngày 4/4/2024
3.	Hà Diệu Linh	x			x	QĐ giao đề tài, phân công hướng dẫn số 5495/QĐ-KHXX ngày 08/11/2019	Học viện Khoa học Xã hội	Quyết định cấp bằng số 2105/QĐ-HVKHXX ngày 25/8/2023
4.	Nguyễn Như Hoa		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 1064/QĐ-HVN ngày 16/5/2017	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 2527/QĐ-HVN ngày 24/8/2018
5.	Nguyễn Thị Yến		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 1064/QĐ-HVN ngày 16/5/2017	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 2527/QĐ-HVN ngày 24/8/2018
6.	Ngô Thị Phương Dung		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 3503/QĐ-HVN ngày 28/8/2017	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 2527/QĐ-HVN ngày 24/8/2018
7.	Nguyễn Văn Lam		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 3503/QĐ-HVN ngày 28/8/2017	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 2527/QĐ-HVN ngày 24/8/2018
8.	Đỗ Hoàng Phương		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 3503/QĐ-HVN ngày 28/8/2017	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 2527/QĐ-HVN ngày 24/8/2018
9.	Nguyễn Phúc Việt		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 514/QĐ-HVN ngày 6/3/2018	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 4546/QĐ-HVN ngày 17/12/2018
10.	Phạm Việt Hùng		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 623/QĐ-HVN ngày 8/3/2019	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 2856/QĐ-HVN ngày 13/8/2020

11.	Vũ Văn Hòa		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 623/QĐ-HVN ngày 8/3/2019	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 2856/QĐ-HVN ngày 13/8/2020
12.	Nguy Văn Tuệ		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 4038/QĐ-HVN ngày 4/11/2019	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 737/QĐ-HVN ngày 5/2/2021
13.	Nguyễn Quang Phong		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 4038/QĐ-HVN ngày 4/11/2019	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 737/QĐ-HVN ngày 5/2/2021
14.	Ngô Thị Nguyệt		x	x		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 2207/QĐ-HVN ngày 30/6/2020	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 5118/QĐ-HVN ngày 25/10/2021
15.	Phạm Thị Phương Thúy		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 1461/QĐ-HVN ngày 31/3/2021	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 4217/QĐ-HVN ngày 29/7/2022
16.	Vũ Duy Khương		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 1461/QĐ-HVN ngày 31/3/2021	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 4217/QĐ-HVN ngày 29/7/2022
17.	Nguyễn Thành Nam		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 3166/QĐ-HVN ngày 3/9/2020	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 4217/QĐ-HVN ngày 29/7/2022
18.	Lê Thị Trang		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 1902/QĐ-HVN ngày 13/4/2022	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 7185/QĐ-HVN ngày 26/12/2023
19.	Nguyễn Lan Hương		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 1902/QĐ-HVN ngày 13/4/2022	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 7185/QĐ-HVN ngày 26/12/2023

20.	Nguyễn Thị Thúy Hương		X	X		Quyết định công nhận hướng dẫn về tên đề tài số 5473/QĐ-HVN ngày 28/9/2022	HVNNVN	Quyết định cấp bằng số 980/QĐ-HVN ngày 07/03/2024
-----	-----------------------	--	---	---	--	--	--------	---

Ghi chú: HVNNVN (Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Sau khi được công nhận TS						
1	Phát triển sản xuất và tiêu thụ bưởi diêm ở Việt nam	TK	Nhà xuất bản c Nông nghiệp - 2015	1	x		QĐXB 92/QĐ-NXBNN ngày 28/12/2015 ISBN 978-604-60-2197-1
2	Giải pháp đổi mới hình thức tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh thái bình	TK	Nhà xuất bản Nông nghiệp - 2020	1	x		QĐXB số 29/QĐ-NXBNN ngày 14/9/2020, ISBN: 978-604-60-3201-4
3	Tâm lý học quản lý	GT	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp - 2020	2	Đồng CB		QĐXB 07/QĐ-NXB-HVN ngày 26/05/2020
4	Giáo trình Quản trị nhân lực	GT	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp - 2023	8	TG		QĐXB số 55/QĐ-HVN ngày 8/11/2023
5	Giáo trình lập và phân tích dự án kinh doanh	GT	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp - 2023	8	TG		QĐXB số 17/QĐ-HVN ngày 16/5/2023
6	Cẩm nang Làng nông nghiệp thuận thiên vùng dân tộc thiểu số và miền núi	TK	NXB Học viện Nông nghiệp -2025	3	CB		QĐXB số 75/QĐ-NXB-HVN, ngày 10/6/2025

Trong đó: Số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: **không**

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				

1	Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn Huyện Sapa, Tỉnh Lào Cai	Chủ trì	T2015-16-42, Đề tài KHCN cấp Học viện	Quyết định 1762/QĐ-HVN ngày 7/5/2015 Thời gian: 6/2015-5/2016	QĐ Hội đồng Nghiệm thu số 1325/QĐ-HVN ngày 24/5/2016, Kết quả: Tốt
2	Nghiên cứu các giải pháp đổi mới hình thức tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Thái Bình	Chủ trì	Mã số: TB-CT/XH 04/16-17	Quyết định số 678/QĐ-UBND tỉnh Thái Bình ngày 18/3/2016 Thời gian: 2016-2017	QĐ thành lập Hội đồng nghiệm thu số 539/QĐ-SKHCN ngày 1/12/2017 Kết quả: Đạt
3	Phát triển sản xuất và tiêu thụ hồng không hạt tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	Chủ trì	Mã số: T2018-21-89	Quyết định số 51/QĐ-HVN ngày 08/01/2018 Thời gian: 1/2018-12/2018	QĐ Hội đồng Nghiệm thu số 1061/QĐ-HVN ngày 04/4/2019, Kết quả: tốt
4	Phát triển mô hình làng nông nghiệp thuận thiên thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bào các dân tộc thiểu số	Chủ trì	Mã số ĐTCB.UBDT. 03.22-24	Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Bộ năm 2022 số 71/ĐTCB.UBDT 03.22-24 Thời gian: 2022-2024	Quyết định thành lập HĐ nghiệm thu kết quả thực hiện KHCN số 3498/QĐ-HVN ngày 16/7/2024 Quyết định thành lập HĐ tư vấn, đánh giá nghiệm thu số 740/QĐ-UBDT ngày 08/11/2024 Kết quả: Đạt

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố:

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không g tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	TRƯỚC KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS							
1.	Một số giải pháp phát triển kinh tế trang trại Huyện Sóc Sơn- TP Hà Nội	2		Tạp chí kinh tế Nông nghiệp, ISSN 0868-3425			Số 10, P58-60	2000

2.	Sản xuất và tiêu thụ bưởi diễm của hộ nông dân ngoại thành Hà Nội	2	x	Tạp chí Kinh tế và Phát triển; ISSN: 1859-0012			số tháng 7/2011	số tháng 7/2011
3.	Giải pháp phát triển bưởi diễm theo hướng bền vững	1	x	Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ISSN 1859- 4581			kỳ I, p8-14	8.2011
SAU KHI ĐƯỢC CÔNG NHẬN TS VÀ 3 NĂM CUỐI (TỪ 06/2019-06/2022)								
4.	Kênh tiêu thụ sản phẩm "cá hồi nước lạnh" Huyện Sapa tỉnh Lao cai	5		Kinh tế và dự báo, ISSN 0866- 7120			Số 32 P57-60	12.2016
5.	Nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc bảo vệ thực vật đến sức khỏe người nông dân tại xã Hưng đạo, Huyện Tứ kỳ, tỉnh hải dương	5		Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ISSN 1859- 4581			kỳ 1, thang 5, P28-37	5.2018
6.	Phát triển Hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp ở Thái bình: Thực trạng và giải pháp	3	x	Tạp chí: Khoa học phát triển nông thôn Việt Nam, ISSN 1859- 4700,			số 39 năm 2018 p49-56	2018
7.	Độc quyền- thất bại truyền thống của thị trường: Chính sách, công cụ can thiệp nhằm hạn chế tổn thất phúc lợi xã hội	3		Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, ISN: 0545- 8986 (0866- 7489)			Số 7 (494), 3-11	07.2019
8.	Factors affecting human resources development of SMEs: Evidence from the fourth Industrial revolution in Vietnam	4		Management science letters, ISSN 1923- 9343 (Online) - ISSN 1923- 9335 (Print)	Quốc thường	tế	10 (2020) 2705-2714	30.04.202 0
DOI: 10.5267/j.msl.2020.4.040								
9.	Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng nhằm nâng cao năng lực quốc gia	4		Kinh tế và dự báo ISSN 0866- 7120			số 14, trang 94-98	5.2020

	về logistic của Việt nam							
10.	Agricultural Cooperative Development in Thaibinh Province, Vietnam: Situation and Solutions	9	x	Scientific Research Publishing Modern Economy ISSN Print: 2152-7245 ISSN Online: 2152-7261	Quốc tế IF: 0.74		11(07):1376-1400	23.07.2020
https://doi.org/10.4236/me.2020.117098								
11.	Đánh giá một số giải pháp phát triển chăn nuôi vịt biển tại vùng ven biển Huyện Tiên Lãng, Hải phòng	5		Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ISSN 1859-4581				10.2020
12.	Production Efficiency Analysis of Indigenous Pig Production in Northwest Vietnam	5		Vietnam journal of Agricultural sciences, ISSN 2588-1299			3(4): 882-891	7.10.2020
https://doi.org/10.31817/vjas.2020.3.4.11								
13.	The moderating effects of the manager's characteristics and financial obstacles on internationalization and firm performance in Poland	8		Palarch's journal of archaeology of egypt/egyptology, ISSN: 1567-214X,	Scopus Q3		Vol 18, No4 4063-4081	03.04.2021
https://www.archives.palarch.nl/index.php/jae/article/view/6975								
14.	The influence of earning management and surplus free cash flow on the banking sector performance	6		Polish journal of management studies; ISSN: 20817452	WoS, IF: 1.5; Scopus Q3		vol.23. No1, 403-417	16.05.2021
DOI: https://doi.org/10.17512/pjms.2021.23.1.25								
15.	Development of Rice Husk Power Plants Based on Clean Development	9		Sustaibability ISSN 2071-1050	WoS, IF: 3.9 Scopus Q1		Vol 13, 6950	21.06.2021

	Mechanism: A Case Study in Mekong River Delta, Vietnam							
https://doi.org/10.3390/su13126950								
16.	Pesticide Risk Reduction of Vegetable Farmers: A Case Study in Vietnam	6		Scientific Research Publishing Journal of environmental protection, ISSN Print: 2152-2197 ISSN Online: 2152-2219	Quốc tế IF: 0.74		Vol 12, No12, 1055-1068	14.12.2021
DOI: 10.4236/jep.2021.1212062								
17.	Hiệu quả kỹ thuật trong chăn nuôi vịt biển vùng ven biển đồng bằng sông hồng	4		Tạp chí: Khoa học phát triển nông thôn Việt Nam, ISSN 1859-4700,			Vol.20, No4: 510-517	01.03.2022
18.	The Role of Financial Inclusion, Green Investment and Green Credit on Sustainable Economic Development: Evidence from Vietnam	6		Cuadernos de Economía ISSN: 0210-0266	WoS, IF: 1.7, Scopus, Q2		Vol.45, No.127 Pages 1-10	4,2022
https://cude.es/submit-a-manuscript/index.php/CUDE/article/view/210/192								
19.	Rice Farmers ' Perception and Determinants of Climate Change Adaptation Measures: A Case Study in Vietnam	8		AgBioForum ISSN: 1522936X	Scopus Q3		24(1): 13-29	2022
https://agbioforum.org/article-view/?id=73								
20.	Cơ sở kinh tế của phân phối lại bằng tiền và hiện vật, ảnh hưởng thu nhập và thay thế	5		Nghiên cứu kinh tế			9 (532)	9.2022

	hàng hóa đến hành vi, hiệu quả tiêu dùng			ISSN 0545-8986, 0866-7489				
21.	Technical Efficiency of Smallholder Banana Production: A Case study in Viet Nam	8		AgBioForum ISSN: 1522936X	Scopus Q3		Vol. 24 No. 2 (2022): AgBioForum	10.2022
https://agbioforum.org/article-view/?id=125								
22.	The role of agriculture growth, technological innovation, and forest cover toward economic development: Evidence from Vietnam	6		AgBioForum; ISSN: 1522936X	Scopus Q3		25(1): 87-96	21.06.2023
https://agbioforum.org/article-view/?id=210								
23.	Increasing Women's Access to Agribusinesses and Improvement in Financial Resources through Micro-Credit Enhance Forestry and Agricultural Bussiness in Vietnam	6		PRZESTRZEN Spoleczna ISSN 20841558, 20847696	Scopus Q2,		Volume 23, Issue 01 2023, p 429-449	02.08.2023
https://socialspacejournal.eu/menu-script/index.php/ssj/article/view/197								
https://socialspacejournal.eu/								
24.	Nghiên cứu tác động của truyền thông marketing điện tử của các cơ sở giáo dục đại học đến quyết định đăng ký học của người tiềm năng	3		Tạp chí kinh tế và quản lý ISSN 1859-3666, E-ISSN 2815-5726,			Số 184-2023, pp86-103	16.10.2023
25.	Urban decentralization and authorization in Viet nam: A case of Thu duc city in Ho Chi Minh city	3	X	Journal of law and political sciences P.ISSN 2222-7288, E-ISSN 2518-5551	ISI (WoS), IF: 2.3		Vol;42	1/4/2024
https://drive.google.com/file/d/1D0d8quzfFgmV01qUtmzZfWvnXmCCXOth/view								
26.	The Impact of Organizational	5	X	Modern Economy			Vol.15 No.4, April	30/04/2024

	Commitment on Business Performance in Private Enterprises in Nghe An Province, Viet Nam			ISSN Print: 2152-7245 ISSN Online: 2152-7261	Quốc tế thường IF:0.74		<u>2024, 474-491</u>	
https://doi.org/10.4236/me.2024.154024								
27.	Economic Development and Role of Vietnamese Women in the Agriculture Sector	6	x	PRZESTRZEN Spoleczna, ISSN 2084-7696	Scopus, Q2		Volume 24, Issue 01	9/5/2024
https://socialspacejournal.eu/article-page/?id=331 https://socialspacejournal.eu/								
28.	Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu: Tổng quan một số mô hình trong ngành thủy sản ở Việt Nam	4	x	Tạp chí kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương ISN 0868-3808			Số cuối tháng	7/2024
29.	Tác động của tiếp thị truyền thông xã hội, kiến thức sản phẩm xanh, vai trò trung gian của thái độ và chuẩn chủ quan đến ý định mua nội thất xanh của người tiêu dùng thành phố Hồ Chí Minh	4		Tạp chí Khoa học Thương Mại ISSN 1859-3666			số 193/2024	6/8/2024
30.	Agriculture Growth and Environmental Degradation in Vietnam: Do Natural Resources Play a Vital Role in this Regard	8		AgBioForum; ISSN: 152293 6X	Scopus Q3		<u>Vol. 26 No. 1 (2024): AgBioForum, Volume 26</u>	03/08/2024
https://agbioforum.org/menuscript/index.php/agb/article/view/355								
31.	Đề xuất bộ tiêu chí đánh giá tính bền vững mô hình làng nông nghiệp thuận thiên thích ứng với biến đổi khí hậu vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi	3		Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN 1859-4972			Số 18/2024	11/9/2024

32.	Nghiên cứu một số mô hình nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi Huyện mai Sơn, Sơn La	5	x	Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN 1859-4972			Số 20	10/2024
33.	Financial Resources and Economic Development: Role of Corporate Social Responsibility on Agricultural Growth in Vietnam	7		AgBioForum; ISSN: 1522936X	Scopus Q3		<u>Vol. 26 No. 2 (2024): AgBioForum, Volume 26, Number 2, 2024</u>	06/12/2024
https://agbioforum.org/manuscript/index.php/agb/article/view/358								
34.	Nexus between Environmental Quality with Economic Growth, Renewable Energy Consumption, and Foreign Direct Investment in Vietnam: Evidence from non-linear ARDL approach	6		International Journal of Economic Policy ISSN: 2788-6352(Online)	Q2		Vol. 4 No. 4 (2024)	22/12/2024
https://doi.org/10.47941/ijecop.2420								
35.	Cơ sở phân phối nguồn lực hiệu quả của thị trường cạnh tranh hoàn hảo	2		Tạp chí KH&CN Trường đại học Hòa bình				24/12/2024
36.	Policy implications for Vietnam's coffee exports to the European union market	3	x	Journal of law and political sciences P.ISSN 2222-7288, E-ISSN 2518-5551	ISI (WoS), IF: 2.3		Vol. (44) - Issue (1) P.229 - 254	01/2025
https://drive.google.com/file/d/1PVP4U7AMXfWEVZGCuX4vp52IKUD_xOJ9/view								
37.	Women's Leadership Characteristics Role on Agricultural Supply Chain Effectiveness: A Study of Women's Experiences and Perspectives in Vietnam	7	x	AgBioForum; ISSN: 1522936X	Scopus Q3		Vol. 26 No. 3 (2024): AgBioForum, Volume 26, Number 3, 2024	Published 04/03/2025
https://agbioforum.org/manuscript/index.php/agb/article/view/414								

https://agbioforum.org/menuascript/index.php/agb/article/view/414/273								
38	The effect of natural resources rents on human development at selected Southeast Asia countries, 2000-2021	7		International Journal of Environmental Sciences ISSN: 2229-7359	Scopus		Vol. (11) Issue (4s) P.997-1009	10/5/2025
https://theaspd.com/index.php/ijes/article/view/649 https://theaspd.com/index.php/ijes/article/view/649/480								
39	Tổng quan về tài chính xanh và một số gợi ý chính sách cho phát triển bền vững nông nghiệp Việt Nam	3		Tạp chí Khoa học nông nghiệp Việt nam e-ISSN 3030-4156			Tập 23 số 5 (92025)	30/5/2025

- Trong đó các bài báo uy tín là **16** bài bao gồm các bài: **13, 14, 15, 18, 19, 21, 22, 23, 25, 27, 30, 33, 34, 36, 37, 38**; Trong đó tác giả có **4** bài báo Uy tín là tác giả chính đó là các bài **25, 27, 36, 37**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*): **không**

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **Không**

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: **Không**

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): **Không**

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chuẩn đầu ra, Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh nông nghiệp Trình độ Đại học	Tham gia	Quyết định số 4018/QĐ-HVN ngày 6/12/2016	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định 1443/QĐ-HVN ngày 18/5/2018	
2	Chuẩn đầu ra, Chương trình đào tạo và đề án	Tham gia	Quyết định số 2983/QĐ-	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định 4461/QĐ-HVN	

	mở ngành Logistic và quản lý chuỗi cung ứng Trình độ Đại học		HVN ngày 15/8/2019		ngày 28/11/2019	
--	--	--	-----------------------	--	--------------------	--

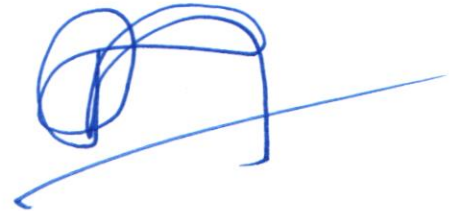
9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:
Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội , ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Công Tiệp